

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 20-8-2020  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
giữa chị K với anh H”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Lệ Hồng.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 12/2020/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm: 1981, địa chỉ: Ấp PN, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm: 1980, địa chỉ: Số 85, tổ 06, ấp T, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị K trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn H qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2000. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sinh sống tại xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng anh chị ly

thân đến nay khoảng hai năm, trong thời gian ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh H.

Trong thời gian chung sống, chị và anh H có hai con chung tên Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày: 27/10/2000 và Huỳnh Nhật H, sinh ngày: 11/8/2004. Hiện tại, Huỳnh Thị Ngọc H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Huỳnh Nhật H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

*Bị đơn là anh Huỳnh Văn H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị K.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phạm Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Huỳnh Văn H có địa chỉ tại ấp T, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn H đã được thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn H theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K và anh Huỳnh Văn H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2000 nên quan hệ hôn nhân của chị K và anh H được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị K cho rằng giữa chị và anh H có sự khác biệt về quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Chị K và anh H sống ly thân đến nay khoảng hai năm, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị K và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị K với anh H đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị K và anh H có hai con chung là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày: 27/10/2000 và Huỳnh Nhựt H, sinh ngày: 11/8/2004. Huỳnh Thị Ngọc H đã thành niên, chị K không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Nhựt H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H sống với chị K từ khi chị và anh H ly thân cho đến nay, chị K cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Anh H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu H muốn được tiếp tục sống với chị K. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của con được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị K, giao con là Huỳnh Nhựt H cho chị K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng cho con: Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung; anh H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh H về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K.

*Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị K được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

*Về con chung:* Chị Phạm Thị K và anh Huỳnh Văn H có hai con chung là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày: 27/10/2000 và Huỳnh Nhựt H, sinh ngày: 11/8/2004.

Con chung Huỳnh Thị Ngọc H đã thành niên nên không xem xét.

Chị Phạm Thị K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Nhựt H.

Ghi nhận chị Phạm Thị K không yêu cầu anh Huỳnh Văn H cấp dưỡng cho con.

Anh Huỳnh Văn H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Huỳnh Văn H lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Phạm Thị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Văn H.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị K và anh Huỳnh Văn H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

*Về án phí:* Chị Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010440 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Phạm Thị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

- UBND xã HM;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Hồng Dân**